TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:102/2023/ DS-ST
Ngày: 06 – 6 - 2023
V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Ông Nguyễn Bữu Hòa

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Thạch Thị Minh Châu là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh là Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 720/2023/TLST-DS, ngày 11 tháng 4 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị Th, sinh năm 1979; (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Ô Trao, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn*: Ông Thạch Sa M, sinh năm 1981 và bà Thạch Thị Sa B, sinh năm 198; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Chị Sơn Thị Sa R, sinh năm 1979. (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Ô Trôm, xã Hiếu Tử, huyện T C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của bà Thạch Thị Th là nguyên đơn như sau:

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2019, bà Th có mở một dây hụi, loại hụi 5.000.000 đồng /phần (dây hụi số 10) do bà Th làm chủ hụi. Khi góp hụi chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng đầu thảo có lập danh sách hụi viên, hụi gồm 15 phần, nửa tháng khui hụi một lần. Thỏa thuận mỗi thành viên hốt hụi thì đầu thảo hưởng huê hồng 1.500.000 đồng.Trong dây hụi này bà Sa B và ông Sa M tham gia 01 phần lấy tên là "Sa M Bết". Hụi khui đến hết lần thứ 12 thì úp hụi không khui nữa.

Bà Thạch Thị Sa B đã hốt hụi tại lần khui hụi thứ 04, cụ thể kêu 3.500.000 đồng và được hốt 30.000.000 đồng. Bà Th đã giao tiền hụi xong cho bà Sa B. Hiện bà Sa B và ông Sa M còn nợ 03 lần hụi chết với số tiền vốn là 4.500.000đồng. Dây hụi này bà Th còn 02 phần hụi sống, bà Thạch Thị Sa Rane còn một phần hụi sống nhưng bà Th chưa trả tiền cho bà Sa Rane nên bà Th rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 1.500.000 đồng, bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Thạch Sa M phải trả số tiền vốn 3.000.000 đồng, bà Th không yêu cầu tính lãi.

- Bà Thạch Thị Sa B là bị đơn vắng mặt nhưng có lời khai: Bà Sa B thừa nhận có tham gia dây hụi mở ngày 12/12/2019 loại hụi 5.000.000 đồng/phần, gồm 15 phần, nửa tháng khui một lần (dây số 10), trong dây hụi này bà Sa B có tham gia 01 phần, lây tên trong danh sách hụi là "Sa M Bết". Bà Sa B đã hốt hụi tại lần khui hụi thứ 4 và còn nợ lại bà Thạch Thị Th 03 lần hụi chết với số tiền vốn là 4.500.000 đồng. Nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa trả cho bà Th số tiền nợ này.

- Ông Thạch Sa M là bị đơn trình bày: Ông Sa M thừa nhận vợ chồng ông có tham gia dây hụi mở ngày 12/12/2019 loại hụi 5.000.000 đồng/phần (dây số 10), gồm 15 phần, nửa tháng khui một lần, trong dây hụi này vợ chồng ông có tham gia 01 phần. Vợ chồng ông đã hốt hụi tại lần khui hụi thứ 04. Vợ chồng ông còn nợ lại bà Thạch Thị Th 03 lần hụi chết với số tiền vốn là 4.500.000 đồng.

- Bà Sơn Thị Sa Rane vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39; 92, 147, Điều 157, 224 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Th. Buộc ông Thạch Sa M và bà Thạch Thị Sa B phải trả cho bà Th số tiền nợ hụi là 3.000.000 đồng. Do bà Th không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Thạch Thị Th về việc buộc ông Sa M, bà Sa B trả số tiền nợ hụi 1.500.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí và nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thạch Thị Th, bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M**.**

Về quan hệ pháp luật: Bà Thạch Thị Th khởi kiện bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M để yêu cầu trả tiền nợ hụi. Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Thạch Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M phải trả số tiền nợ hụi mà bà Th đã đóng thay với số tiền là 3.000.000 đồng tại dây hụi mở ngày 12/12/2019 loại hụi 5.000.000 đồng/phần (dây số 10), gồm 15 phần, nửa tháng khui một lần. Bà Th không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Th, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M có lời khai thừa nhận có tham gia góp hụi đối với dây hụi theo đơn khởi kiện của bà Thạch Thị Th. Bà Sa B, ông Sa M đã hốt hụi và còn nợ số vốn bằng 4.500.000 đồng. Như vậy đây là những tình tiết bà Th không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, qua lời khai của các hụi viên trong dây hụi như bà Hà Mộng L, bà Thạch Thị Ch, bà Lưu Thị Mỹ Th thì bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M có tham gia dây hụi mở ngày 12/12/2019 loại hụi 5.000.000 đồng/phần (dây số 10), gồm 15 phần, nửa tháng khui một lần do bà Thạch Thị Th làm đầu thảo và bà Th còn hụi sống 02 phần. Như vậy hợp đồng góp hụi giữa bà Thạch Thị Th với bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M là có thật, việc bà Th khởi kiện đòi nợ hụi là có căn cứ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy ông Sa M và bà Sa B đã hốt hụi trước nên phải có nghĩa vụ góp các phần hụi để các hụi viên khác được lĩnh cho đến khi kết thúc dây hụi. Tuy nhiên ông Sa M và bà Sa B không thực hiện đúng như thỏa thuận góp hụi. Do đó căn cứ vào các Điều 16, 17 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-

CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Th buộc bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Th số tiền vốn bằng 3.000.000 đồng. Do bà Th không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 1.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phần yêu cầu này của bà Th.

[6] Về án phí: Do bà Thạch Thị Th được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T C về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, 35, 39,147, 227, 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 471, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Th. Buộc bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị Th số tiền 3.000.000 đồng của dây hụi mở ngày 12/12/2019 loại hụi 5.000.000 đồng/phần (dây số 10), gồm 15 phần, nửa tháng khui một lần do bà Thạch Thị Th làm đầu thảo.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th về việc yêu cầu bà Sa B, ông Sa M trả với số tiền 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Thạch Thị Sa B và ông Thạch Sa M nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Bà Thạch Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.Hoàn trả lại cho bà Thạch Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001335 ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng